

Số: 4704/ĐHYD-KHTCCSVC
V/v mời thẩm định giá

Huế, ngày 03 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn thẩm định giá

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế hiện nay đang có nhu cầu mời các đơn vị tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá, giá trị tài sản hư hỏng không sửa chữa và sử dụng được cần thanh lý (có danh mục đính kèm).

Hồ sơ chào giá bao gồm:

- Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (hoặc bảng phí dịch vụ thẩm định giá);
- Hồ sơ năng lực của đơn vị.
- Hồ sơ chào giá xin gửi về Phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đến hết: 16h00 ngày 05/09/2025 (trong giờ hành chính).

Các yêu cầu khác: Mọi thông tin liên hệ tại Phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Số 06 Ngô Quyền – phường Thuận Hoá, Thành phố Huế. Điện thoại: 0947460986 (Đạt)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Trường(thông báo rộng rãi);
- Lưu: VT, KHTC-CSVC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Khoa Hùng

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2023

STT	Danh mục tài sản cố định thanh lý (chi tiết theo từng loại tài sản)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị tài sản cố định thanh lý theo sổ sách kế toán (đồng)		
				Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Máy vi tính để bàn	2014	1	14,000,000	14,000,000	0
2	Máy chiếu	2014	1	18,000,000	18,000,000	0
3	Máy chiếu	2012	1	28,600,000	28,600,000	0
4	Tủ đông	1995	1	29,000,000	29,000,000	0
5	Kính hiển vi 2 mắt	2007	3	36,000,000	36,000,000	0
6	Kính hiển vi 2 mắt	2016	1	33,500,000	33,500,000	0
7	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức	2007	1	19,450,000	19,450,000	0
8	Máy vi tính để bàn	2014	1	14,000,000	14,000,000	0
9	Máy tính xách tay	2016	1	18,300,000	18,300,000	0
10	CPU máy tính để bàn	2016	1	13,950,000	13,950,000	0
11	Máy vi tính để bàn	2014	2	28,000,000	28,000,000	0
12	Điều hoà nhiệt độ	2007	2	24,800,000	24,800,000	0
13	Bộ khảo sát Đ luật của quang hình học dùng tia ánh sáng Lase	2010	1	13,911,450	13,911,450	0
14	Bộ khảo sát HT phân cực ánh sáng	2010	1	14,560,350	14,560,350	0
15	Máy vi tính để bàn	2010	1	20,464,170	20,464,170	0
16	Máy vi tính để bàn	2015	1	13,800,000	13,800,000	0
17	Máy vi tính để bàn	2016	1			0

	bàn			10,980,000	10,980,000	
18	Máy vi tính để bàn	2014	1	14,000,000	14,000,000	0
19	Máy vi tính để bàn	2018	1	11,026,000	11,026,000	0
20	CPU máy tính để bàn	2016	2	35,400,000	35,400,000	0
21	Máy chiếu	2012	8	228,800,000	228,800,000	0
22	Máy chiếu	2013	7	145,453,777	145,453,777	0
23	Máy chiếu	2013	9	198,000,000	198,000,000	0
24	Máy vi tính để bàn	2016	1	11,063,000	11,063,000	0
25	Máy chụp ảnh	11/11/1998	1	2,500,000	2,500,000	0
26	Kệ để hồ sơ	1999	1	700,000	700,000	0
27	Màn hình vi tính	2019	1	1,970,000	1,970,000	0
28	Máy điều hoà nhiệt độ	1993	1	7,800,000	7,800,000	0
29	Máy in Canon	2005	1	3,095,000	3,095,000	0
30	Tủ gỗ sao 2 cánh	1994	1	150,000	150,000	0
31	Tủ gỗ thường	1994	1	120,000	120,000	0
32	Ghế xoay vi tính	1996	1	410,000	410,000	0
33	Quạt treo tường	10/29/2004	2	230,000	230,000	0
34	Ôn áp	2005	1	600,000	600,000	0
35	Tủ sách gỗ N2	2003	1	2,400,000	2,400,000	0
36	Bàn vi tính gỗ	1/31/2008	1	1,835,000	1,835,000	0
37	Tủ hồ sơ gỗ N2	1998	1	898,700	898,700	0
38	Bục gỗ nhóm III	2013	1	6,509,000	6,509,000	0
39	Bảng chống lóa	2013	1	3,960,000	3,960,000	0
40	Màn chiếu treo tường	2014	1	1,760,000	1,760,000	0
41	Máy hút ẩm	12/24/1998	1	5,200,000	5,200,000	0
42	Máy in	2005	1	3,095,000	3,095,000	0
43	Máy chiếu	10/23/1993	1	700,000	700,000	0
44	Ghế đầu xoay	2012	3	1,740,000	1,740,000	0
45	Ghế đầu	2016	2	543,400	543,400	0
46	Ghế xoay	2008	4	1,995,000	1,995,000	0

47	Ghế đầu xoay	2019	3	1,770,000	1,770,000	0
48	Máy hút ẩm gia dụng	2017	1	6,200,000	6,200,000	0
49	Bếp điện RC	2016	5	23,650,000	23,650,000	0
50	Quạt treo tường	2010	1	215,000	215,000	0
51	Ghế xoay vi tính		1	250,000	250,000	0
52	Máy in	2006	1	6,448,410	6,448,410	0
53	Máy vi tính Đông Nam Á	2014	2	16,300,000	16,300,000	0
54	Bàn vi tính gỗ	2008	1	1,835,000	1,835,000	0
55	Bàn làm việc gỗ	2008	1	2,165,000	2,165,000	0
56	Bàn làm việc gỗ	2008	1	2,165,000	2,165,000	0
57	Máy in	2013	1	3,086,000	3,086,000	0
58	Tủ sách kính gỗ	5/18/1996	1	480,000	480,000	0
59	Bàn làm việc gỗ N2	2001	1	950,000	950,000	0
60	Tivi	2014	1	5,800,000	5,800,000	0
61	Tủ sách		1	1,450,000	1,450,000	0
62	Tủ gỗ trên kính		1	1,900,000	1,900,000	0
63	Đầu đĩa	2014	1	1,900,000	1,900,000	0
64	Cân sức khỏe có thước đo	2016	2	4,900,000	4,900,000	0
65	Ghế bác sỹ, màu đen	2016	2	3,940,000	3,940,000	0
66	Máy Scanner	2016	1	5,250,000	5,250,000	0
67	Cân kỹ thuật điện tử hiện số	1999	1	1,369,263	1,369,263	0
68	Máy in	2008	2	4,840,000	4,840,000	0
69	Bộ xác định nhiệt dung chất rắn	1997	1	6,860,000	6,860,000	0
70	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng riêng chất rắn	1998	1	9,134,000	9,134,000	0
71	Bộ thí nghiệm xác định tỷ số nhiệt dung	1997	1	5,430,000	5,430,000	0
72	BTN khảo sát dao động điều hoà	2005	1	756,000	756,000	0

73	Tủ mát	2016	1	8,700,000	8,700,000	0
74	Tủ Lạnh		1	4,030,000	4,030,000	0
75	Máy vi tính	2007	1	9,613,804	9,613,804	0
76	Bàn gỗ thường 1 học 1 tủ	1997	1	60,000	60,000	0
77	Màn hình LCD	2011	1	2,650,000	2,650,000	0
78	Màn hình LCD	2011	1	2,650,000	2,650,000	0
79	Máy vi tính ĐNA	2015	1	8,480,000	8,480,000	0
80	Bàn để máy vi tính	1996	1	880,000	880,000	0
81	Bàn làm việc gỗ N3	1997	1	265,000	265,000	0
82	Bàn làm việc gỗ N2	1998	5	300,000	300,000	0
83	Ghế gấp tựa lưng	2014	1	426,000	426,000	0
84	Máy điện thoại để bàn Panasonic	2007	1	315,000	315,000	0
85	Máy điện thoại để bàn	2007	1	400,000	400,000	0
86	Máy điện thoại cố định	2008	1	203,000	203,000	0
87	Màn hình treo tường	2013	2	2,800,000	2,800,000	0
88	Bàn liên ghế chân sắt	2006	20	16,300,000	16,300,000	0
89	Điều hoà nhiệt độ	1994	1	7,200,000	7,200,000	0
90	Máy điện thoại	2001	1	1,351,000	1,351,000	0
91	Máy điện thoại	2006	1	680,000	680,000	0
92	Tủ hồ sơ gỗ N2	1997	1	120,000	120,000	0
93	Tủ hồ sơ gỗ N2	1997	1	120,000	120,000	0
94	Tủ cầu thang phía trái nhà chữ Y	2007	1	4,500,000	4,500,000	0
95	Bàn làm việc gỗ	2001	1	600,000	600,000	0
96	Bàn giấy gỗ	1997	1	70,000	70,000	0
97	Bàn xén giấy	2010	1	580,000	580,000	0
98	Quạt treo tường	2006	3	345,000	345,000	0
99	Quạt đứng	2010	2	836,000	836,000	0
100	Ghế vi tính	2006	9	2,871,000	2,871,000	0

101	Ghế xoay vi tính	2007	5	9,570,000	9,570,000	0
102	Micro có dây		3	0	0	0
103	Micro không dây zhourb		1	0	0	0
104	Bàn trộn YAMAHA		1	0	0	0
105	Âm ly ZAMAHA		1	0	0	0
106	Loa treo tường 175W		2	0	0	0
107	Loa đặc sàn 200W ZAMAHA		2	0	0	0
108	Máy vi tính để bàn	2007	1	9,613,804	9,613,804	0
109	Máy vi tính để bàn	2007	1	9,613,804	9,613,804	0
110	CPU máy tính để bàn	2018	1	9,250,000	9,250,000	0
111	Tủ lạnh	1993	1	2,200,000	2,200,000	0
112	Máy hút bụi	9/29/1997	1	1,100,000	1,100,000	0
113	Tủ hồ sơ gỗ	5/21/1998	1	765,000	765,000	0
114	Tủ gỗ	1996	1	897,800	897,800	0
	Tổng cộng			1,282,669,732	1,282,669,732	0

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2024

STT	Danh mục tài sản cố định thanh lý (chi tiết theo từng loại tài sản)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị tài sản cố định thanh lý theo sổ sách kế toán (đồng)		
				Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Máy vi tính để bàn	2017	1	11,850,000	11,850,000	0
2	Máy ly tâm 1 nghìn vòng	1997	1	17,412,000	17,412,000	0
3	Cột lọc dùng cho máy lọc nước siêu sạch	2008	1	28,988,000	28,988,000	0
4	Máy laptop	2013	1	20,000,000	20,000,000	0
5	Máy đo pH	2008	1	12,543,800	12,543,800	0

6	Máy làm viên hoàn	2012	1	35,000,000	35,000,000	0
7	Tủ hút vi sinh làm bằng Inox	2012	1	35,200,000	35,200,000	0
8	Máy photocopy	2013	1	33,000,000	33,000,000	0
9	Máy photocopy	2013	1	33,000,000	33,000,000	0
10	Máy vi tính để bàn	2014	1	14,000,000	14,000,000	0
11	Máy chiếu Projektor	2007	1	22,450,000	22,450,000	0
12	Máy chiếu	2014	1	18,000,000	18,000,000	0
13	Máy chiếu Projector	2016	1	14,990,000	14,990,000	0
14	Máy vi tính xách tay	2016	1	14,700,000	14,700,000	0
15	Máy vi tính xách tay	2016	1	13,230,000	13,230,000	0
16	Máy in Laser	2013	1	12,000,000	12,000,000	0
17	Máy vi tính	2017	1	10,700,000	10,700,000	0
18	Máy tính xách tay	2017	1	24,490,000	24,490,000	0
19	Ghế bác sỹ, màu đen	2016	2	1,970,000	1,970,000	0
20	Tủ gỗ 2 học 6 ngăn	1994	1	200,000	200,000	0
21	Lồng nhốt ếch Inox	2009	2	1,900,000	1,900,000	0
22	Ồn áp Sutudo	1993	1	600,000	600,000	0
23	Tủ lạnh thường	2008	1	7,000,000	7,000,000	0
24	Máy in	2005	1	3,095,000	3,095,000	0
25	Máy in	2007	1	5,145,599	5,145,599	0
26	Tủ hồ sơ gỗ gỗ	1994	1	714,000	714,000	0
27	Ghế đầu vuông gỗ kiền	1994	15	802,500	802,500	0
28	Ghế đầu vuông gỗ kiền	1994	20	1,337,500	1,337,500	0
29	Ghế tựa gỗ kiền chân tiện	1994	6	471,000	471,000	0
30	Ghế đầu xoay Inox Hòa phát	2012	4	2,320,000	2,320,000	0
31	Ghế đầu Inox 304	2016	2	1,160,000	1,160,000	0
32	Bàn salong nệm	2008	1	3,500,000	3,500,000	0

33	Ghế chân quỳ hòa phát VTI	2012	1	860,000	860,000	0
34	Giá bằng sắt để cặp sách	2009	1	140,000	140,000	0
35	Ghế sắt xếp có dựa	2009	3	152,727	152,727	0
36	Tủ gỗ 4 cánh cửa	1997	1	1,200,000	1,200,000	0
37	Tủ gỗ N2 để sách	1997	1	1,200,000	1,200,000	0
38	Bàn làm việc gỗ kiền	2000	1	600,000	600,000	0
39	Bàn ghế salon nệm góc	2009	1	3,500,000	3,500,000	0
40	Bộ Máy vi tính ĐNA	2014	1	8,150,000	8,150,000	0
41	Máy in Lazer	2002	1	6,055,836	6,055,836	0
42	Máy hút ẩm	2004	1	4,300,000	4,300,000	0
43	Máy hút ẩm	2001	1	4,600,000	4,600,000	0
44	Máy in	2009	1	3,480,000	3,480,000	0
45	Ghế xếp	2007	2	420,000	420,000	0
46	Máy vi tính ĐNA	2016	1	7,950,000	7,950,000	0
	Tổng cộng			444,377,962	444,377,962	0